

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2024
(Ngày 02 tháng 11 năm 2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Nguyễn Quốc Dũng**. Ngày tháng năm sinh: 11/9/1981.
- Chức vụ/chức danh công tác: Công chức Văn hóa xã hội.
- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh.
- Nơi thường trú: Số 47, tổ 17, khu phố Ninh Phúc, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: Thẻ Căn cước: 072081005534. ngày cấp: 26/07/2024. nơi cấp: Bộ Công an.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Kim Chi**. Ngày tháng năm sinh: 11/10/1987.
- Nghề nghiệp: giáo viên.
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Trường Mầm Non Vàng Anh. Khu phố Ninh Lợi, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh.
- Nơi thường trú: : Số 47, tổ 17, khu phố Ninh Phúc, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: Thẻ Căn cước: 072187002887. ngày cấp: 26/7/2024. nơi cấp: Bộ Công an.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **Nguyễn Ngọc Khánh Vân**. Ngày tháng năm sinh: 02/5/2018.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: Thẻ Căn cước: 072318001833. ngày cấp: 29/7/2024. nơi cấp: Cục Quản lý đăng ký dân cư.
- Nơi thường trú: Số 47, tổ 17, khu phố Ninh Phúc, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh.

* **Con vợ:** Họ và tên: **Nguyễn Tuyết Linh**. Ngày tháng năm sinh: 11/7/2010.

- Nơi thường trú: Số 47, tổ 17, khu phố Ninh Phúc, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: Thẻ Căn cước: 072310002000. ngày cấp: 23/7/2024. nơi cấp: Cục Quản lý đăng ký dân cư.

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Tổ 17, khu phố Ninh Phúc, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh.
- Diện tích⁽⁹⁾: 166 m².
- Giá trị⁽¹⁰⁾: không xác định được giá trị.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: CS05723.
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

.....

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Ấp Nam Bến Sỏi, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.
- Diện tích⁽⁹⁾: 350,6 m².
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 180.000.000đ.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: DQ 061437.
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

.....

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:

.....

- Diện tích:

.....

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

.....

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

.....

- Thông tin khác (nếu có):

.....

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

.....

- Địa chỉ:

.....

- Loại nhà⁽¹⁴⁾:

.....

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾:

.....

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

.....

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

.....

- Thông tin khác (nếu có):

.....

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:

.....

- Loại công trình:..... Cấp công trình:

.....

- Diện tích:

.....

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

.....

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

.....

- Thông tin khác (nếu có):

.....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

.....

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

.....

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

.....

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

.....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

.....

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

.....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
.....

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
.....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
.....

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
.....

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá
trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá
trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá
trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá
trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾: **Không có.**

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:
.....

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:
.....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: **Không có.**

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: **Không có.**

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: **Không có.**

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 241.448.000đ.

- Tổng thu nhập của người kê khai: 121.448.000đ.

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 120.000.000đ.

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không.

- Tổng các khoản thu nhập chung: Không.

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):
Không có.

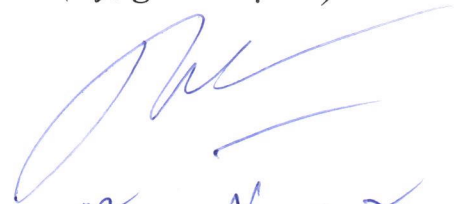
Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu	350,6m2	180.000.000đ	Từ nguồn tiết kiệm vay quỹ lương

<p>đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai.</p>		241.448.000đ	<p>Bản thân: 121.448.000đ.(Lương + phụ cấp).</p> <p>Vợ: 120.000.000đ (Lương + phụ cấp)</p>
--	--	--------------	--

..... ngày 12 tháng 11 năm 2024
NGƯỜI NHẬN BÀN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)


Cao Văn Thương

Ninh Thuận, ngày 12 tháng 11 năm 2024
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Quốc Dũng